TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A LƯỚI** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HSST
Ngày: 25/03/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A LƯỚI, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hồ Văn Nhàn.
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Trần Viết Văn
2. Ông: Hồ Văn Liên.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hiền - Cán bộ Toà án nhân dân huyện A Lưới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên toà: Ông Phạm Thành Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 03 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 18/2022/TLST-HS ngày 27/12/2021và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2022/HSST-QĐ ngày 26/01/2022; Quyết định tạm đình chỉ vụ án số: 01/2022/HSST-QĐ ngày 10/ 02/ 2022, do bị cáo Đoàn Văn N bỏ trốn và Quyết định lệnh truy nã; Quyết định phục hồi vụ án số: 01/2022/ HSST- QĐ ngày 11/ 03/ 2022; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/ QĐXX-ST ngày 14/03/2022, đối với các bị cáo:

1. Hồ Văn T (tên gọi khác: không); sinh ngày: 27/9/2002, tại huyện A Lưới, Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú: Thôn P, xã QN, huyện A Lưới, Thừa Thiên Huế; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá 7/12; Tôn giáo: không có; Dân tộc: Pa cô; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Văn N1, sinh năm: 1973 và bà Hồ Thị K, sinh năm: 1979; đều trú tại: Xã QN, huyện A Lưới, Thừa Thiên Huế; chưa có vợ, con; gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ 3; Tại bản án số: 04/2019/HSST ngày 20/6/2019, Hồ Văn T bị Tòa án nhân dân huyện A Lưới xử phạt 15 tháng cải tại không giam giữ về tội: " Trộm cắp tài sản"; tiền án, tiền sự: không có; Bị cáo tại ngoại đã bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Đoàn Văn N (tên gọi khác: không); sinh ngày: 30/3/1997, tại huyện A Lưới, Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú: Thôn Â, Xã QN, huyện A Lưới, Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá 1/12; Tôn giáo: không có; Dân tộc: Tà ôi; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn K1, sinh năm 1964 và bà Viên Thị P1, sinh

năm 1964; đều trú tại: Xã QN, huyện A Lưới, Thừa Thiên Huế; vợ AViết Thị C, sinh năm 1999, chưa có con; N là người con duy nhất trong gia đình; tiền án, tiền sự: không có; Bị cáo tại ngoại đã bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; hiện nay bị cáo Đoàn Văn N bỏ trốn và đã có quyết định lệnh truy nã chưa bắt được và có Quyết định phục hồi vụ án nên xét xử bị cáo vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho hai bị cáo Hồ Văn T và Đoàn Văn N:* Ông Nguyễn Văn Chiết - TGVPL của Trung tâm TGPL Nhà nước tỉnh TT- Huế, có mặt.

- *Người bị hại:* Anh Trần Văn L, sinh năm 1982; trú tại: Thôn AL, Xã QN, huyện A Lưới, Thừa Thiên Huế, có mặt.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị hại: Ông Trần Phước Hải - TGVPL của Trung tâm TGPL Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt có lý do.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1.Chị Trần Thị A1, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn QP, xã ST, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

2. Ông Hồ Văn N1, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn P, xã QN, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ 00 phút ngày 27/08/2021 Hồ Văn T trực tiếp điều khiển xe mô tô mang biển kiểm soát: 75L1-117.27 chở Đoàn Văn N đi trộm cắp tài sản, khi đi đến trang trại chăn nuôi Dê của gia đình anh Trần Văn L trú tại Thôn AL, Xã QN, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế,T đã để xe máy bên đường và lấy một bao tải có sẵn trong cốp xe, rồi cả hai cùng nhau đi vào trang trại của anh L, thì N phát hiện có 03 con Dê đang cột ở trụ nhà, trong đó có 01 con Dê đực lông màu xám, đen, trắng, nặng khoảng 20kilogam, Dê có râu, được buộc bằng sợi dây màu xanh dài khoảng 5m, Đoàn Văn N đi vào tháo sợi dây rồi dắt một con Dê đực ra ngoài. Sau đó T và N đã bỏ con Dê vừa trộm cắp được vào trong bao tải, rồi cả hai thay nhau vác ra xe mô tô, khi đến vị trí để xe T đã lấy xe và trực tiếp chở Đoàn Văn N, còn N ngồi phía sau ôm con Dê, rồi cả hai chạy về quán dê HA của chị Trần Thị A1 trú tại xã ST, huyện A Lưới để bán thì thấy quán đã đóng cửa, nên T và N đưa con Dê ra phía sau quán và cột lại tại chuồng của quán HA, rồi cả hai đi về nhà. Đến khoảng 15 giờ 00 phút ngày 28/08/2021 Hồ Văn T, Đoàn Văn N điều khiển xe máy mang biển kiểm soát: 75L1-117.27 đến quán dê HA tại xã ST để hỏi việc bán dê, khi đến quán thì không có chủ quán, một lát sau thì chị Trần Thị A1 về và cả hai bên thoả thuận theo phương thức là

cáp trọng lượng Dê khoảng 20 kilogam và trả với giá 2.000.000 đồng, T và N đồng ý bán với giá 2.000.000đồng, khi nhận tiền T, N đã chia nhau mỗi người 1.000.000đồng để tiêu xài cá nhân.

Tại bản kết luận định giá số: 67/KL-HĐĐGTS ngày 14/09/2021 của Hội đồng định giá huyện A Lưới, xác định giá trị 01 (một) con Dê đực, lông màu đen xám trắng 04 năm tuổi có giá trị tại thời điểm chiếm đoạt là: 3.600.000đồng.

Ngày 06/ 9/ 2021 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện A Lưới đã tạm giữ các tài liệu, đồ vật sau: 01 (một) xe mô tô Sirius, nhãn hiệu Yamaha, màu đen xám, xe mang BKS: 75L1-117.27, số khung: RLCUE3240KY248363, số máy: E3X9E-707220 xe đã qua sử dụng và số tiền mặt 630.000 Việt Nam đồng.

Ngày 25/11/2021Cơ quan Cảnh Sát Điều tra Công an huyện A Lưới đã ra Quyết định xử lý vật chứng số:24/QĐ-CSĐT và tiến hành đã trả lại 01 xe mô tô Sirius, nhãn hiệu Yamaha, màu đen xám, xe mang BKS:75L1-117.27, số khung: RLCUE3240KY248363, số máy: E3X9E-707220 cho chủ sở hữu anh Hồ Văn N1.

Tại bản cáo trạng số: 02/CT-VKSHAL ngày 27/12/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện A Lưới đã truy tố Hồ Văn T và Đoàn Văn N về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 , Điều 17 và Điều 38 của Bộ luật hình sự và áp dụng thêm cho bị cáo Đoàn Văn N tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017; xử phạt các bị cáo Hồ Văn T từ 7 đến 9 tháng tù và bị cáo Đoàn Văn N từ 6 đến 8 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Cơ quan Cảnh Sát Điều tra Công an huyện A Lưới đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại: 01 xe mô tô Sirius, nhãn hiệu Yamaha, màu đen xám, xe mang BKS:75L1-117.27, số khung: RLCUE3240KY248363, số máy: E3X9E-707220 cho chủ sở hữu anh Hồ Văn N1 nên không xem xét đề cập. Đối với số tiền mặt 630.000 Việt Nam đồng thu giữ của bị cáo Đoàn Văn N, xác định không phải công cụ phương tiện phạm tội hay thu lợi bất chính nên tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận thỏa thuận giữa bị hại với các bị cáo T, N về việc các bị cáo bồi thường thiệt giá trị 1con dê đực là 3.600.000đồng nên các bị cáo phải liên đới bồi thường thiệt hại tài sản thì mỗi bị cáo phải bồi thường là 1.800.000đồng cho bị hại; trong đó, bị cáo T bồi thường thiệt hại đầy đủ với số tiền là: 1.800.000 đồng cho anh L nên không xem xét, đề cập. Đối với bị cáo N phải bồi

thường 1.800.000 đồng cho anh L, nhưng bị cáo N đã có bồi thường thiệt hại trước với số tiền là: 1.300.000 đồng cho anh L, còn thiều số tiền 500.000 đồng nên buộc bị cáo N phải bồi thường thiệt hại đầy đủ số tiền còn thiếu 500.000đồng cho anh L.

Tại phiên tòa hôm nay, người bào chữa cho bị cáo đồng ý với tội danh và điều luật mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng và áp dụng thêm cho bị cáo N điều 54 của Bộ Luật hình sự và đề nghị hình phạt cho các bị cáo Hồ Văn T từ 6 đến 7 tháng tù và bị cáo Đoàn Văn N 4 đến 6 tháng tù.

Tại phiên tòa hôm nay, Trợ giúp viên pháp lý là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại, vắng mặt tại phiên tòa có lý do, đã gửi cho Hội đồng xét xử, Bản luận cứ: Chấp nhận thỏa thuận giữa bị hại với các bị cáo T, N về việc bồi thường thiệt tài sản 1con dê trị giá 3.600.000đồng cho anh Trần Văn L,trong đó bị cáo T đã bồi thường thiệt hại đầy đủ với tiền là: 1.800.000đồng cho anh L và bị cáo N bồi thường thiệt hại với số tiền 1.800.000đồng cho anh L, nhưng bị cáo N đã bồi thường trước với số tiền là 1.300.000 đồng, còn thiếu là 500.000 đồng, buộc bị cáo N phải bồi thường số tiền còn thiếu 500.000 đồng cho anh L, ngoài ra không có ý kiến gì thêm và Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, không yêu cầu gì về mặt dân sự.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng của cơ quan điều tra công an huyện A Lưới và Điều tra viên,Viện Kiểm Sát nhân dân huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế và Kiểm Sát Viên trong quá trình, điều, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Việc xác minh, thu thập vật chứng đúng trình tự, khách quan; tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiền hành tố tụng. Do đó, khẳng định các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội: Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của từng bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của người bị hại, vật chứng đã thu giữ và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 20 giờ 00 phút ngày 27/08/2021, bị cáo Hồ Văn T trực tiếp điều khiển xe mô tô mang biển kiểm soát: 75L1-117.27 nhãn hiệu Sirius Yamaha, chở bị

cáo Đoàn Văn N đến trang trại của ông Trần Văn L bắt trộm 01 con dê đực, lông màu xám, đen, trắng thuộc Thôn AL, Xã QN, huyện A Lưới. Khi bắt trộm được một con dê đực, sau đó các bị cáo T và N đã chở con dê đến quán dê HA để bán, nhưng không gặp chủ quán nên T và N đã cột lại con dê tại chuồng của quán HA rồi đi về nhà ngủ. Đến chiều ngày 28/8/2021các bị cáoT, N quay lại quán HA thì gặp chị Trần Thị A1 và hai bên thoả thuận bán con dê đực với giá 2.000.000 đồng, khi nhận tiền T và N chia nhau mỗi người 1.000.000 đồng. Theo Hội đồng định giá tài sản nêu trên là tổng trị giá tài sản chiếm đoạt của các bị cáo T và N là : 3.600.000 Việt Nam đồng. Như vậy, theo Cáo trạng truy tố các bị cáo Hồ Văn T và Đoàn Văn N hành vi phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015,được sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:Hành vi các bị cáo Hồ Văn T và Đoàn Văn N là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của anh Trần Văn L được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo T và N có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Xác định rõ vai trò của từng bị cáo, trước hết là nói đến bị cáo T là người thực hành tích cực nhất, từ việc chủ động tự ý lấy xe mô tô Surius xe mang BKS:75L1-117.27 của bố đẻ để trong nhà và chở bị cáo N ngồi phía sau đến địa điểm đã định trước để trộm cắp một con dê đực của anh Trần Văn L được cột trong chuồng và các bị cáo dừng xe mô tô ở gần đó, mặc dù không có phân công cụ thể, nhưng bị cáo T là người cánh giới, còn bị cáo N là người trực tiếp đến tháo dây buộc con dê, rồi dắt con dê về phía bị cáo T đang đợi và các bị cáo dùng bao tải có sẳn bỏ con dê vào bao tải và thay nhau vác con dê về đến nơi để xe mô tô, đưa con dê lên xe mô tô, sau đó bị cáo T là người trực tiếp điều khiểu xe mô chở con dê ở giữa, còn bị cáo N ngồi sau giữ con dê để nhanh chóng luôn tìm cách đi tiêu thụ, bán con dê và các bị cáo tự nhận là con dê của mình với mục đích che dấu hành vi phạm tội, để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Năm 2019 bị cáo Hồ Văn T đã bị Tòa án nhân dân huyện A Lưới xét xử về tội: " trộm cắp tài sản" đã xử phạt 15 tháng cải tạo không giam giữ, nhưng bị cáo T không chịu tu dưỡng, rèn luyện, làm ăn lương thiện, chứng nào tật nấy. Đối với bị cáo N cùng thực hiện hành vi với bị cáo T trộm cắp tài nêu trên, bị cáo N cùng tích cực thực hiện hành vi trộm cắp tài sản đến cùng. Các bị cáo T và N đều thành niên, có đủ sức khỏe, nhưng lười lao động, ham chơi, thích hưởng thụ thành quả lao động, tài sản của người khác biến thành tài sản của mình và ý thức coi thường pháp luật kém. Hành vi của các bị cáo T và N nên phải xử lý nghiêm khắc theo pháp luật.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa, các bị cáo T, N đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và tự nguyện bồi thường thiệt hại, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo đã quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; đối với bị cáo Đoàn Văn N được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ đã quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51của Bộ luật hình sự. Từ nhận định và căn cứ nêu trên, khi lượng hình cần xem xét một phần nào hình phạt cho các bị cáo T, N đúng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội để răn đe, giáo dục, đấu tranh phòng chống tội phạm trên địa bàn. Xét về nhân thân của bị cáo Hồ Văn T là nhân thân xấu và bị cáo N mặc dù nhân thân tốt, có bốn tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, nhưng trong thời gian cho bị cáo N tại ngoại đã bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo không chấp hành pháp luật đã bỏ trốn, gây trở ngại cho công tác xét xử và đã có quyết định lệnh truy nã chưa bắt được nên phải xét xử bị cáo vắng mặt phiên tòa và xử lý các bị cáo T và N nghiêm khắc và phải cách ly các bị cáo T, N ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục trở thành công dân tốt cho xã hội.

[5] Về ý kiến của đại diện viện kiểm sát: Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo Hồ Văn T và Đoàn Văn N được quy định tại các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17 và Điều 38 của Bộ Luật hình sự năm 2015 và áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ Luật hình sự đối với bị cáo Đoàn Văn N . Xử phạt các bị cáo Hồ Văn T từ 7 đến 9 tháng tù và bị cáo Đoàn Văn N từ 6 đến 8 tháng tù, là có căn cứ, đúng pháp luật, cần được chấp nhận.

[6] Tại phiên tòa hôm nay, người bào chữa cho bị cáo đồng ý với tội danh và điều luật mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng vàáp dụng thêm cho bị cáo N điều 54 của Bộ luật hình sự và đề nghị hình phạt cho các bị cáo Hồ Văn T từ 6 đến 7 tháng tù và bị cáo Đoàn Văn N 4 đến 6 tháng tù, là chưa phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

[7] Ngoài hình phạt chính, lẽ ra bị cáo còn phải chịu thêm hình phạt bổ sung bằng tiền theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Song xét hoàn cảnh của các bị cáo T và N khó khăn nên không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung bằng tiền nên miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[8] Đối với chị Trần Thị A1 mua một con dê đực của các bị cáo là việc mua bán ngay thẳng, trước khi mua đã hỏi các bị cáo T, N về nguồn gốc của con dê nên không có cơ sở truy cứu trách nhiệm hình sự về tội chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo quy định tại Điều 323 Bộ luật Hình sự.

[9] Về dân sự: Căn cứ Điều 589 của Bộ luật dân sự;

Buộc bị cáo Đoàn Văn N phải bồi thường thiệt hại tài sản đầy đủ số tiền còn thiếu 500.000 Việt Nam đồng cho bị hại anh Trần Văn L.

[10] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tạm giữ số tiền mặt 630.000 Việt Nam đồng, hiện nay đang tạm gửi tại Kho bạc Nhà Nước huyện A Lưới của Đoàn Văn N để đảm bảo công tác thi hành án.

[11] Án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi sung năm 2017 đối với bị cáo Hồ Văn T và khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17 vàĐiều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi sung năm 2017 đối với bị cáo Đoàn Văn N; Tuyên xử:

1. Tội danh: Tuyên bố các bị cáo Hồ Văn T và bị cáo Đoàn Văn N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Hình Phạt: Xử phạt bị cáo Hồ Văn T **7** (bảy) tháng tù, thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Xử phạt: Bị cáo Đoàn Văn N **6** (sáu) tháng tù, thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tạm giữ số tiền mặt 630.000 Việt Nam đồng, hiện nay đang tạm gửi tại Kho Bạc Nhà Nước huyện A Lưới của Đoàn Văn N để đảm bảo công tác thi hành án.

4.Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 589 của Bộ luật dân sự;

Buộc bị cáo Đoàn Văn N phải bồi thường thiệt hại tài sản đầy đủ số tiền còn thiếu 500.000 Việt Nam đồng cho bị hại anh Trần Văn L.

Đối với khoản tiền bồi thường thiệt hại, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi người phải thi hành án thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014;

thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về án phí: Căn cứ điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Hồ Văn T và bị cáo Đoàn Văn N mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) và bị cáo N phải chịu nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo vụ án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND tỉnh TT Huế;
- PV27 Công an tỉnh TT Huế;
- Sở Tư pháp tỉnh TT Huế;
- VKSND huyện A Lưới;
- Công an huyện A Lưới;
- CCTHADS huyện A Lưới;
- Các bị cáo, bị hại; TGVPL;
-UBND Xã QN;
-Người có QL&NVLq;
- Lưu: HSVA, THAHS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)

Hồ Văn Nhàn